

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2025/DS-ST

Ngày: 17-12-2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Nghĩa;

2. Bà Phan Thị Ngọc Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực - Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (tên viết tắt: V1).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2 (tầng trệt) Tòa nhà S, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên hệ: Số A đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: ông Hàn Ngọc V – chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hàn Ngọc V: bà Trần Thị Thu H – chức vụ: Giám đốc Trung tâm X (Giấy ủy quyền số: 089458.25 ngày 08-4-2025).

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Trần Thị Thu H:

- Anh Trần Trọng N - chức vụ: cán bộ Ngân hàng TMCP Q; cư trú tại: A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Anh Phan Xuân H1 - chức vụ: cán bộ Ngân hàng TMCP Q - cư trú tại: A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Chị Lê Châu Hoàng U - chức vụ: cán bộ Ngân hàng TMCP Q - cư trú tại: A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Anh Đ - chức vụ: cán bộ Ngân hàng TMCP Q; cư trú tại: A N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

(Giấy ủy quyền số: 256071.25 ngày 25-8-2025).

Bị đơn: ông Trương Văn H2, sinh năm 1975 và bà Đặng Thị Đ1, sinh năm 1980; cùng cư trú tại: tổ D, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Lê Văn S, sinh năm 1981; cư trú tại: tổ A, ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - anh Nguyễn Anh Đ trình bày:

Ngày 20-6-2023, ông Trương Văn H2 và bà Đặng Thị Đ1 ký hợp đồng tín dụng số 7805866.23; Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt: V1) – Chi nhánh T1 – Phòng G vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay để mua xe ô tô Hyundai, màu trắng, biển số 70A – 446.07; lãi suất tại thời điểm cho vay 13%/năm, được áp dụng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh lại 03 tháng/một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng; thời hạn trả tiền nợ gốc và lãi cùng kỳ vào ngày 21 hàng tháng, trả kỳ đầu tiên vào ngày 21-7-2023, mỗi kỳ trả gốc cố định 4.688.000 đồng.

Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ, cùng ngày 20-6-2023 ông H2, bà Đ1 và V1 ký Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4338281.23, tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu HYUNDAI STARGAZER, biển kiểm soát số 70A-446.07, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng, V1 đã giải ngân cho ông H2, bà Đ1 đủ số tiền vay. Tuy nhiên ông H2, bà Đ1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi từ ngày 21-5-2024. Do đó, VIB yêu cầu ông H2, bà Đ1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho VIB số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 31-10-2025 là 495.662.133 đồng; yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông H2, bà Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, VIB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm. Trường hợp tài sản bảo đảm

không đủ trả nợ thì ông H2, bà Đ1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn lại cho V1.

Việc ông H2 cho rằng xe ô tô thế chấp với VIB hiện do anh S quản lý, sử dụng, VIB hoàn toàn không biết, nên V1 yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo đúng hợp đồng ông H2, bà Đ1 đã ký kết với V1.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18-6-2025 bị đơn ông Trương Văn H2 trình bày:

Ông thừa nhận ông và vợ là bà Đ1 có ký kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải với V1 để vay 450.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay mua xe ô tô biển số 70A – 446.07, lãi suất vay, tài sản thế chấp... đúng như nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp mà ông và bà Đ1 đã ký với V1. Tuy nhiên, ông và bà Đ1 chỉ đứng tên vay tiền dùm cháu ruột là anh Lê Văn S, thực tế số tiền vay và xe ô tô đều do anh S quản lý, sử dụng; giữa ông, bà Đ1 và anh S không có văn bản, giấy tờ thỏa thuận việc ông và bà Đ1 vay tiền dùm anh S.

Do ông và bà Đ1 là người ký hợp đồng tín dụng với V1, nên ông đồng ý có trách nhiệm trả cho VIB số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của V1, xin gia hạn thời hạn trả tiền là 45 ngày kể từ ngày 20-6-2025.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cung cấp lời khai đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-11-2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn S trình bày:

Anh là cháu ruột của bà Đ1, anh có biết việc ông H2 và bà Đ1 ký kết Hợp đồng tín dụng 7805866.23 ngày 20-6-2023 với V1 để vay 450.000.000 đồng, mục đích mua xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI STARGAZER, biển số 70A-446.07 và thế chấp tài sản đảm bảo là xe ô tô này cho V1. Bởi vì ông H2 và bà Đ1 là người đứng tên vay tiền dùm anh, anh là người giao tiền cho bà Đ1 để bà Đ1, ông H2 thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi cho VIB hàng tháng, anh chỉ nhớ trả tiền khoảng 07-08 kỳ, số tiền gốc và tiền lãi cụ thể đã trả bao nhiêu anh không nhớ, đồng thời anh cũng là người quản lý, sử dụng xe ô tô nêu trên từ lúc mua xe đến khoảng tháng 3, 4 năm 2025, ông H2 cầm cố xe ô tô này cho Công ty D để vay 150.000.000 đồng. Anh không nhớ thông tin, địa chỉ cụ thể của công ty nhận cầm cố tài sản. Việc ông H2, bà Đ1 giao xe ô tô trên cho anh quản lý, sử dụng, sau đó lại tiếp tục cầm cố cho một tổ chức khác thì ông H2, bà Đ1 và anh không thông báo cho VIB biết. Việc thỏa thuận đứng tên vay tiền dùm giữa anh, bà Đ1 và ông H2 không có giấy tờ, hợp đồng hay chứng cứ chứng minh.

Anh đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ mà ông H2, bà Đ1 đã ký kết với V1. Trường hợp anh và ông H2, bà Đ1 không thanh toán được khoản nợ

cho V1, thì anh đồng ý để VIB xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô trên theo Hợp đồng thế chấp mà ông H2, bà Đ1 đã ký kết với V1.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là anh Đ trình bày: VIB giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông Đ1 và bà H2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho VIB số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 17-12-2025 là 523.448.440 đồng, yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp ông H2, bà Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ thì VIB có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật; nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông H2, bà Đ1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1.

Đối với việc ông H2 trình bày đứng tên vay tiền dùm anh S; anh S trình bày ông H2 đã cầm cố xe ô tô biển số 70A-446.07 cho một tổ chức dịch vụ khác để vay 150.000.000 đồng và đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho V1 thì VIB không đồng ý vì đây là việc cá nhân giữa ông H2 và anh S, không liên quan đến giao dịch đã ký kết giữa VIB với ông H2, bà Đ1. Do đó, V1 yêu cầu tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật trên cơ sở của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã được ký kết giữa VIB với ông H2, bà Đ1.

Bị đơn ông H2, bà Đ1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh S: đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 324, Điều 351, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đối với ông Trương Văn H2 và bà Đặng Thị Đ1 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông H2 và bà Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền nợ tính đến ngày 17-12-2025 là 523.448.440 đồng, trong đó:

tiền nợ gốc 403.020.000 đồng, tiền lãi trong hạn 19.518.857 đồng, tiền lãi quá hạn 100.909.583 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18-12-2025), ông H2 và bà Đ1 còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả, phí (nếu có) theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả.

Trong trường hợp ông H2, bà Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải đã ký để thu hồ nợ; nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông H2, bà Đ1 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký.

+ Về chi phí tố tụng: ông H2 và bà Đ1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

+ Về án phí sơ thẩm: ông H2 và bà Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông H2, bà Đ1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H2, bà Đ1 và anh S.

[1.2] Về quan hệ pháp luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Hợp đồng tín dụng được thỏa thuận giao kết ngày 20-6-2023, trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành (ngày 01-7-2024). Căn cứ Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật quy định trong Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

- V1 khởi kiện ông H2, bà Đ1 có địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh yêu cầu trả số tiền nợ gốc, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: VIB cung cấp tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số 7805866.23 ký kết ngày 20-6-2023; Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ giữa bên cho vay V1 – Chi nhánh T1 – Phòng G với bên vay là vợ chồng ông H2, bà Đ1, số tiền vay 450.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, mục đích mua xe ô tô Hyundai, màu trắng biển số 70A – 446.07; thời hạn trả tiền nợ gốc và lãi cùng kỳ vào ngày 21 hàng tháng, trả kỳ đầu tiên vào ngày 21-7-2023, mỗi kỳ trả gốc cố định 4.688.000 đồng; V1 đã giải ngân cho ông H2, bà Đ1 số tiền 450.000.000 đồng vào ngày 20-6-2023. Nhận thấy chủ thể giao kết, nội dung, hình thức, mục đích của hợp đồng tín dụng có đủ điều kiện theo quy định tại các Điều 117, 118, 119 của Bộ luật Dân sự và phát sinh hiệu lực giữa các bên. Căn cứ bảng kê chi tiết lịch sử thanh toán do V1 cung cấp thể hiện ông H2, bà Đ1 chỉ thanh toán cho V1 được số tiền gốc 46.980.000 đồng, tiền lãi 32.895.433 đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, tiền lãi cho VIB từ ngày 21-5-2024, nên VIB khởi kiện yêu cầu ông H2, bà Đ1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H2 thừa nhận ông và bà Đ1 có ký kết hợp đồng tín dụng với V1 và đồng ý có trách nhiệm cùng với bà Đ1 trả cho VIB số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh, đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã ký kết với V1, xin gia hạn thời hạn trả tiền là 45 ngày, kể từ ngày 20-6-2025. Bị đơn (bà Đ1) đã được Tòa án triệu tập họp lệ để giao nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ cho các đương sự biết, nhưng bà Đ1 và ông H2, anh S không có ý kiến phản đối về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và không tham gia hòa giải vụ án. Căn cứ các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ việc dân sự và bà Đ1 vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Căn cứ Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V1, buộc ông H2 và bà Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho VIB số tiền nợ gốc còn lại là 403.020.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu tính tiền lãi thấy rằng: Hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ giữa V1 với ông H2, bà Đ1 thỏa thuận lãi suất tại thời điểm cho vay 13%/năm, được áp dụng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh lại 03 tháng/một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng. Ông H2, bà Đ1 vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho V1, căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 7, 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; VIB

yêu cầu ông H2, bà Đ1 phải trả lãi suất vay trong hạn là 13%/năm, lãi suất quá hạn $150\% \times 13\%/năm = 19,50\%/năm$ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể:

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 21-6-2023 đến ngày 20-5-2024 là: 52.414.290 đồng – tiền lãi đã trả 32.895.433 đồng = 19.518.857 đồng;

- Tiền lãi quá hạn từ ngày 21-5-2024 đến ngày 17-12-2025 là 100.909.583 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi trong hạn và quá hạn là 120.428.440 đồng.

[2.3] Xử lý tài sản thế chấp: ông H2 thừa nhận ông và bà Đ1 có ký kết Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4338281.23 ngày 20-6-2023 với V1. Tài sản thế chấp là xe ô tô, nhãn hiệu HYUNDAI STARGAZER, biển số 70A-446.07, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000958, cấp ngày 20-6-2023 cho ông H2, mục đích để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng (bút lục 55-62). Căn cứ các Điều 317, 318, 319 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng thế chấp trên phát sinh hiệu lực thi hành từ thời điểm đăng ký thế chấp. Ông H2, bà Đ1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho V1, căn cứ các Điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự, V1 yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét lời trình bày của ông H2, anh S về việc cho rằng ông H2, bà Đ1 vay 450.000.000 đồng dùng cho anh S, thực tế số tiền vay và xe ô tô đều do anh S quản lý, sử dụng; hiện nay xe ô tô trên ông H2 cũng đã cầm cố cho tổ chức khác để vay 150.000.000 đồng, nhưng ông H2 và anh S đều không cung cấp thông tin của tổ chức nhận cầm cố tài sản cũng như các văn bản, giấy tờ, chứng cứ khác chứng minh cho lời trình bày của mình. Đồng thời, V1 cũng không đồng ý việc anh S nhận toàn bộ trách nhiệm thanh toán tiền nợ cho V1, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa ông H2, bà Đ1 với anh S hoặc bên thứ ba có xảy ra tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự thực hiện thủ tục khởi kiện theo quy định.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông H2, bà Đ1.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Về chi phí tố tụng: yêu cầu khởi kiện của V1 được chấp nhận và V1 đã nộp tạm ứng xong số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng. Căn cứ các Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đ1 và bà H2 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho VIB số tiền 600.000 đồng.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: yêu cầu khởi kiện của VIB được chấp nhận toàn bộ nên không

phải chịu án phí sơ thẩm; bị đơn ông Đ1 và bà H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể: 20.000.000 đồng + $[4\% \times (523.448.440 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})] = 24.937.937 \text{ đồng}$ (làm tròn 24.938.000 đồng).

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số: 32/2024/QH15 ngày 18-01-2024; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng số: 47/2010/QH12 ngày 16-6-2010 (sửa đổi, bổ sung theo Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017); các Điều 117, 118, 119, 299, 307, 317, 318, 319, 323, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 7, 8, 12, 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 147, 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (tên viết tắt: V1) đối với ông Trương Văn H2 và bà Đặng Thị Đ1 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Trương Văn H2 và bà Đặng Thị Đ1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V1) số tiền nợ tính đến ngày 17-12-2025 là 523.448.440 (năm trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi) đồng, trong đó: tiền nợ gốc 403.020.000 (bốn trăm lẻ ba triệu, không trăm hai mươi nghìn) đồng, tiền lãi trong hạn 19.518.857 (mười chín triệu, năm trăm mười tám nghìn, tám trăm năm mươi bảy) đồng, tiền lãi quá hạn 100.909.583 (một trăm triệu, chín trăm lẻ chín nghìn, năm trăm tám mươi ba) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18-12-2025), ông H2 và bà Đ1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông H2, bà Đ1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V1) có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI STARGAZER, biên kiểm soát số 70A-446.07 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 4338281.23 ngày 20-6-2023 để thu hồi nợ. Số tiền có được

từ việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định tại Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp ông Trương Văn H2 và bà Đặng Thị Điền thanh T xong khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V1) có nghĩa vụ giải chấp, trả lại cho ông Trương Văn H2 và bà Đặng Thị Đ1 01 (một) bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000958, nhãn hiệu HYUNDAI STARGAZER, do Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 20-6-2023 cho ông Trương Văn H2.

2. Về chi phí tố tụng: ông Trương Văn H2 và bà Đặng Thị Đ1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Buộc ông H2 và bà Đ1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (V1) số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trương Văn H2 và bà Đặng Thị Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.938.000 (hai mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V1) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V1) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.961.000 (mười triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn) đồng tại biên lai thu số 0002273 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

4. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại UBND xã, phường nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy

